

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ D TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HSST

Ngày 22/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạnh Xuân Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tung và ông Vũ Quốc Phòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D Tiên: Ông Phạm Minh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2022/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 đối với:

1- Bị cáo: Trần Khánh D (tên gọi khác: Không), sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ x, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Không; con ông Trần Trường T và bà Vũ Thị T; vợ: Lại Thị L, con: Có 03 (con lớn SN 2007, con nhỏ SN 2014); tiền án: Ngày 21/3/2017 bị Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam xử phạt 21 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 26/8/2018 chấp hành xong. Ngày 15/7/2020 bị Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (Do tài sản trộm cắp dưới 02 triệu đồng nên sử dụng tình tiết đã bị kết án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm làm tình tiết định tội). Ngày 07/12/2020 chấp hành xong; tiền sự: Không; đặc điểm nhân thân: Ngày 31/7/2000 Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ra Quyết định về việc đưa vào cơ sở giáo dục số 623/QĐ-UB thời hạn 12 tháng. Ngày 23/12/2008 bị Công an phường M, thành phố P xử lý vi phạm hành chính, phạt tiền: 300.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã chấp hành xong). Ngày 11/3/2010 bị Toà án nhân dân thành phố H xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 30/10/2010 chấp hành xong về địa phương. Ngày 07/11/2011 bị Công an phường Q, thành phố P xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền: 1.500.000 đồng về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác (đã chấp hành xong). Ngày 16/10/2012 bị

Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (ngày 20/5/2013 chấp hành xong). Ngày 20/6/2014 bị Công an thành phố Phủ Lý xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Mua trái phép chất ma túy (đã chấp hành xong). Ngày 30/7/2016 bị Công an thành phố Phủ Lý xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi đánh nhau (đã chấp hành xong); bị bắt tạm giữ từ ngày 02/3/2022 đến ngày 11/3/2022 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

2 - Bị hại: Anh Lê Trọng H, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; có mặt.

3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Lại Thị L, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ x, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

4 - Người làm chứng: Anh Dương Đức T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 28/02/2022, Trần Khánh D một mình điều khiển xe máy điện màu sơn xanh không đeo biển kiểm soát từ nhà ở phường Q, thành phố P, đến phường Đ, thị xã D chơi. Khi đi qua cây xăng số 109 thuộc tổ dân phố A, phường H, thị xã D thì D phát hiện 01 chiếc xe mô tô Honda SH 150I màu trắng, BKS: 90B - 489.yy của anh Lê Trọng H là nhân viên của cây xăng đang dựng trước cửa phòng làm việc của cây xăng, quan sát vắng người nên D nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. Sau đó, D dựng xe máy điện của mình ở vệ đường QL1A rồi đi bộ đến vị trí chiếc xe mô tô BKS: 90B3 - 489.y. Quan sát không có ai nên D dắt chiếc xe mô tô trên ra khỏi cây xăng rồi dựng chiếc xe này ở đầu dốc A thuộc tổ dân phố A, phường H. Sau đó D đi bộ quay lại hướng cây xăng rồi điều khiển xe máy điện của mình về nhà gọi vợ là chị Lại Thị L dậy và nói “Dậy đi lên trên này có việc”, chị L hỏi “Đi đâu”, D nói “Đi lên Đồng Văn”. Sau đó D điều khiển xe máy điện chở chị L đi đến dốc A. Tại đây D nói với chị L “Ngồi lên xe SH để tao đẩy về”. Chị L hỏi chiếc xe mô tô này ở đâu thì D nói D mua. Sau đó, chị L ngồi lên điều khiển xe mô tô BKS: 90B3 - 489.y còn D điều khiển xe máy điện dùng chân phải đạp vào để chân bên trái của xe 90B3 - 489.y đẩy xe mô tô về nhà. Trên đường đi, chị L và D cãi nhau nên chị L điều khiển xe máy điện về trước còn D dắt xe 90B3 - 489.y về cất giấu vào trong kho để đồ của nhà mình rồi dùng tô vít tháo mặt nạ để mở cốp xe 90B3 - 489.y ra, D thấy trong cốp xe có: 01 chiếc ví màu nâu đen bên trong có 01 đăng ký xe BKS 90B3 - 489.y, 01 giấy phép lái xe, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc, 01 căn cước công dân đều mang tên Lê Trọng H, số tiền 500.000 đồng; 01 bộ quần áo mưa màu xanh; 01 vỏ hộp bao cao su và 01 túi nilon đựng các vỏ vỉ thuốc tây. D để bộ quần áo mưa trong

cốp xe rồi lấy ví, vỏ hộp bao cao su, túi vỏ thuốc tây của anh H ra, sau đó D dùng tô vít lắp lại mặt nạ của xe 90B3 - 489.y. D sử dụng chiếc cờ lê 10 tháo chiếc gương cH hậu thời trang bên trái và tháo biển kiểm soát của xe 90B3 - 489.y ra cất trong kho. Sau đó, D lấy hết tiền, đăng ký xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy phép lái xe, căn cước công dân của anh H trong ví ra khỏi cốp xe rồi vứt chiếc ví cùng vỏ hộp bao cao su, 01 túi nilon đựng các vỏ vỉ thuốc tây xuống sông trước cửa nhà D.

Vật chứng thu giữ: Thu tại kho nhà D: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150I, màu trắng đen, số máy: KF42E1012657, số khung: RLHKF4215LY003874 bên trong cốp xe có 01 bộ quần áo mưa màu xanh và 01 chiếc xe máy điện màu xanh, không có biển kiểm soát, số máy: RPEYE1000W732746, số khung: RPEYBEHPEHA732746.

Chị Lại Thị L tự nguyện giao nộp: 01 chiếc ví da màu nâu, dạng ví nam; 01 đăng ký xe mô tô 90B3 - 489.y mang tên Lê Trọng H; 01 bảo hiểm y tế mang tên Trần Khánh D; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe mô tô 90B3 - 489.y mang tên Lê Trọng H; 01 bản phô tô công chứng giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Trần Khánh D; 01 biển kiểm soát 90B3 - 489.y; 01 mũ bảo hiểm màu trắng xanh trên có ghi Honda Nam Hạnh; 01 gương chiếu hậu thời trang bên trái của xe; 01 đầu thu camera nhãn hiệu @jhua màu đen;

01 đĩa DVD chứa dữ liệu hình ảnh liên quan vụ án do Công an phường H cung cấp;

Anh Lê Trọng H tự nguyện giao nộp 01 đĩa DVD chứa hình ảnh liên quan vụ án.

Tiến hành khám xét nơi ở của Trần Khánh D phát hiện thu giữ tại hộp đựng đồ phòng kho: 01 tô vít bốn cạnh, chuôi bằng nhựa màu đỏ vàng; 01 cờ lê 10-14 bằng kim loại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã D kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH 150I, màu trắng đen, biển kiểm soát: 90B3 - 489.y, dung tích 156, trị giá 87.000.000 đồng, 01 ví da màu nâu đen đã cũ trị giá 5.000 đồng, 01 bộ áo mưa loại áo mưa bộ trị giá 5.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 87.010.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã D kết luận chiếc xe máy điện màu xanh (đã qua sử dụng), số máy: RPEYE1000W732746, số khung: RPEYBEHPEHA732746, không có biển số, trị giá: 3.500.000 đồng.

Đối với 01 giấy phép lái xe và 01 căn cước công dân mang tên Lê Trọng H, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Cáo trạng số 48/CT-VKS-DT ngày 24/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Trần Khánh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Khánh D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị hại là anh Lê Trọng H tự nguyện không yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền 500.000 đồng anh để trong cốp xe do bị cáo D đã lấy.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Khánh D mức án từ 48 (bốn mươi tám) tháng đến 60 (sáu mươi) tháng tù. Ngoài ra đại diện viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo Trần Khánh D chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt và không tranh luận gì; bị hại là anh Lê Trọng H không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm, ban hành các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 28/02/2022, tại cây xăng số 109, thuộc tổ dân phố A, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam, lợi dụng sơ hở của nhân viên bán hàng, Trần Khánh D lén lút đột nhập vào khu vực để xe của nhân viên đất trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 150I, màu trắng đen, trị giá 87.000.000 đồng, bên trong cốp xe có 01 ví màu nâu trị giá 5.000 đồng, 01 bộ áo mưa trị giá 5.000 đồng và số tiền 500.000 đồng của anh Lê Trọng H là nhân viên của cây xăng. Tổng số tài sản mà Trần Khánh D đã trộm cắp, trị giá là 87.510.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều

173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 48/CT-VKS-DT ngày 24/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

Bị cáo là người có nhân thân xấu;

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Ngày 21/7/2020 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 07/12/2020 bị cáo chấp hành xong. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này bị cáo chưa được xóa án tích, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Mặc dù trong quá trình điều tra vụ án bị cáo chưa thành khẩn khai báo, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Từ những phân tích và nhận định trên, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng. Do đó, HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn. Theo đó xét thấy cần thiết cần phải cho cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Điều này cũng phù hợp với quan điểm xử lý bị cáo của đại diện Viện kiểm sát đưa ra.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp với thực tế.

[5] Đối với các hành vi khác: Đối với chị Lại Thị L là người có hành vi giúp chồng mình là Trần Khánh D đẩy chiếc xe mô tô 90B3 - 489.y từ tổ dân phố A, phường H, thị xã D về nhà. Qua đấu tranh cho thấy chị L không biết chiếc xe mô tô trên là do D trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã D không có căn cứ khởi tố chị L với vai trò đồng phạm với bị cáo Trần Khánh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Lê Trọng H đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; 01 đăng ký xe mô tô 90B3 - 489.y mang tên Lê Trọng H; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe mô tô 90B3 - 489.y mang tên Lê Trọng H; 01 biển số 90B3 – 489.y; 01 gương chiếu hậu thời trang bên trái xe; 01 bộ quần áo mưa. Đối với các giấy tờ liên quan đến bị hại Lê Trọng H như: 01 giấy phép lái xe và 01 căn cước công dân mang tên Lê Trọng H, thẻ ATM mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên đã truy tìm nhưng đến nay không có kết quả; riêng số tiền 500.000đ để trong cốp xe mô tô đã bị bị cáo D chiếm đoạt. Nay tại phiên tòa anh H tự nguyện không

yêu cầu bị cáo D phải bồi thường thiệt hại nào khác, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng, tài liệu thu giữ:

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã trả lại: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150I, màu trắng đen, số máy: KF42E1012657, số khung: RLHKF4215LY003874; 01 đăng ký xe mô tô 90B3 - 489.y; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe mô tô đều mang tên Lê Trọng H; 01 biển số 90B3 - 489.y; 01 gương chiếu hậu thời trang bên trái của xe; 01 bộ quần áo mưa màu xanh cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Trọng H theo quy định pháp luật. Nay anh H không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu trắng xanh, 01 ví da màu nâu, 01 bảo hiểm y tế mang tên Trần Khánh D, 01 bản photo công chứng giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Trần Khánh D. Qua đấu tranh xác định, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên HĐXX cần trả lại cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc xe máy điện màu xanh không có biển kiểm soát. Quá trình đấu tranh xác định, đây là tài sản chung của bị cáo và chị Lại Thị L. Bị cáo D tự ý sử dụng làm chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội, chị L là đồng sở hữu chiếc xe trên không biết việc làm này của bị cáo. Do đó HĐXX tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe sung ngân sách nhà nước trị giá 1.750.000đ, đồng thời trả lại chị Lại Thị L ½ giá trị chiếc xe là 1.750.000đ là có căn cứ pháp lý.

Đối với 01 đầu thu Camera @jhua bị Cơ quan CSĐT tạm giữ của chị L (vợ bị cáo) giao nộp. Qua đấu tranh xác định đây là tài sản hợp pháp của vợ chồng bị cáo D và chị L không liên quan đến hành vi phạm tội nên HĐXX cần trả lại chị L là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với 01 tô vít 04 cạnh, 01 cờ lê 10-14 mà Cơ quan CSĐT đã thu giữ. Qua đấu tranh xác định đây là công cụ mà bị cáo sử dụng vào việc tháo lắp tài sản phạm tội và hiện không còn giá trị sử dụng nên HĐXX cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Khánh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Trần Khánh D 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2022.

2. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo Trần Khánh D: 01 mũ bảo hiểm màu trắng xanh, 01 ví da màu nâu; 01 bảo hiểm y tế mang tên Trần Khánh D; 01 bản photo công chứng giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Trần Khánh D.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 1/2 giá trị chiếc xe máy điện màu xanh không có biển kiểm soát, trị giá 1.750.000 đồng;

- Trả lại chị Lại Thị L: 1/2 giá trị chiếc xe máy điện màu xanh không có biển kiểm soát trị giá 1.750.000 đồng và 01 đầu thu Camera @jhua.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 tô vít 04 cạnh; 01 cờ lê 10-14.

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã D với Chi cục THADS thị xã D ngày 26/5/2022).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Trần Khánh D phải chịu 200.000 đồng.

Báo cho bị cáo; bị có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã D ;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Cơ quan THAHS Công an tx D;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải

